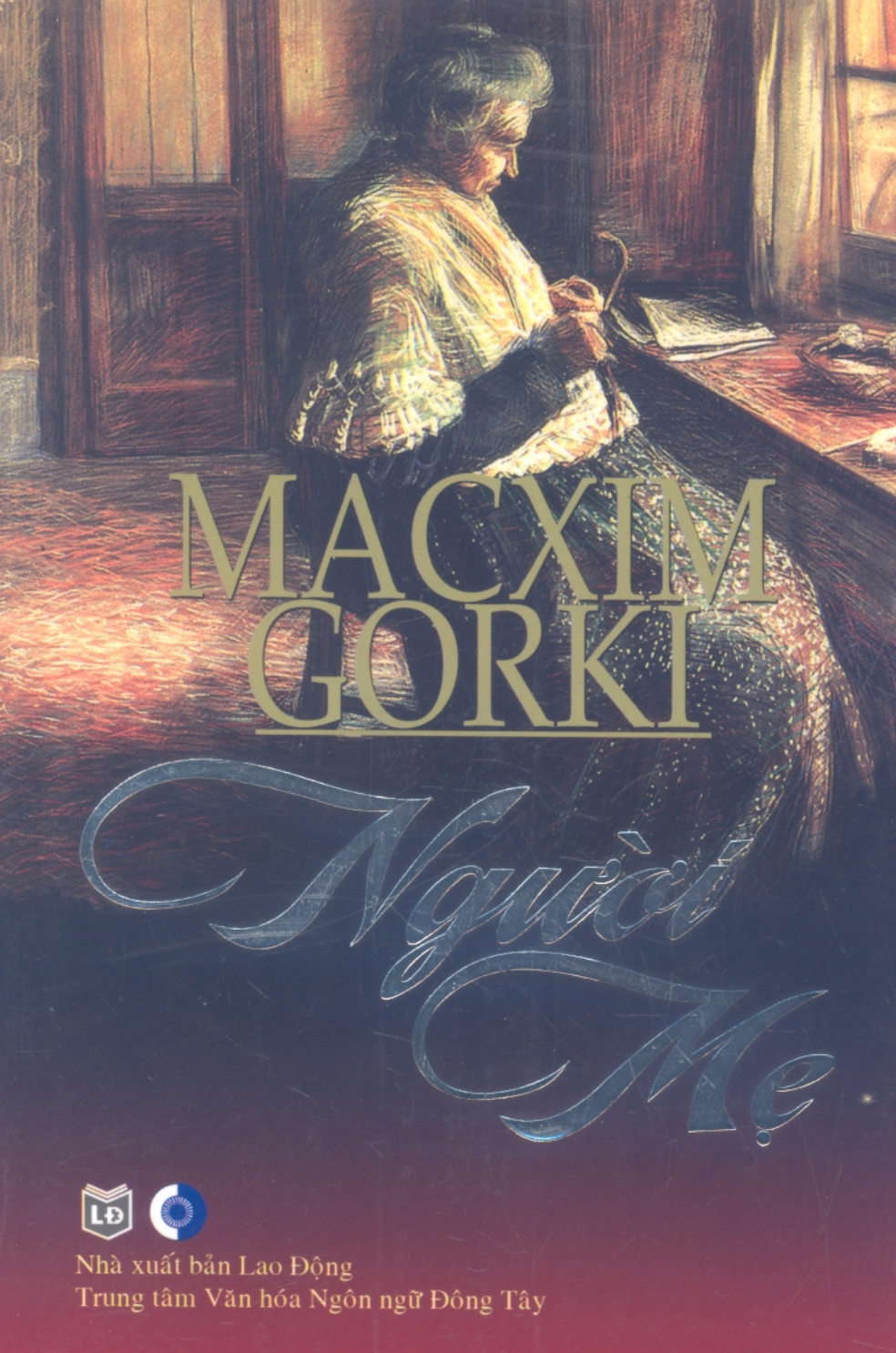




MACXIM GORKI

Người Mẹ



Nhà xuất bản Lao Động
Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây

NGƯỜI MẸ

MẮC-XIM GOÓC-KI, NGƯỜI MẸ
In theo bản dịch của nhà xuất bản Tiến bộ . Mát-scơ-va

MÁC-XIM GOÓC-KI

NGƯỜI MẸ

Tiểu thuyết

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC TIỂU SỬ MÁC-XIM GOÓC-KI VÀ NỘI DUNG CUỐN "NGƯỜI MẸ"

Mác-xim Goóc-ki tên thật là A-lếch-xây Mác-xi-mô-vích Pê-scốp, sinh ngày 28 tháng ba năm 1868 ở thị xã Ni-giơ-ni Nô-vơ-gô-rôt ở nước Nga. Cha là thợ mộc, một người khéo tay có học và hiểu biết. Năm bốn tuổi, Goóc-ki mồ côi cha; năm mười tuổi lại mồ côi mẹ. Từ đấy Goóc-ki đến ở với ông bà ngoại, ông là một tiểu chủ làm nghề nhuộm. Ông ngoại hà tiện, hung hãn, thường đánh cháu. Nhưng bà ngoại hiền từ, biết nhiều chuyện cổ tích, nhớ nhiều bài dân ca. thường kể, hát cho cháu nghe.

Goóc-ki được đi học ba năm thì gia đình ông bà ngoại sa sút. Goóc-ki phải thôi học, lao động để nuôi thân, khi thì đi ở, khi thì làm phụ rửa bát dưới tàu thủy. Cuối cùng, Goóc-ki rời quê hương, đi tìm kế sinh nhai, ông đi từ Ca-dan đến bờ biển Ca-spiên. Trong thời gian ấy Goóc-ki làm đủ các nghề: gác cổng, khuân vác, cưa gỗ, làm bánh mì, cân hàng, v.v... Trong cảnh sống đó, Goóc-ki đã học được rất nhiều ở trường đời, kinh nghiệm sống được mở rộng.

Goóc-ki rất ham đọc sách, ham học tập. Lúc đó sách báo đã trở thành thứ đồ dùng cần thiết hàng ngày của Goóc-ki. Hồi còn thiếu niên Goóc-ki đã hiểu biết văn học thế giới sâu hơn nhiều so với các bạn cùng lứa chẳng những có bằng trung học mà cả những người tốt nghiệp đại học nữa.

Năm 16 tuổi, khi ở Ca-dan, Goóc-ki làm quen với nhóm thanh niên cách mạng, với giới trí thức địa phương. Không được chính thức làm sinh viên đại học, Goóc-ki

quyết tâm tự nghiên cứu tác phẩm của các nhà văn dân chủ cách mạng Séc-nư-sép-ski, Đa-bơ-ra-li-u-bốp, Pi-xa-rép, đọc *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, đọc *Tư bản* của C. Mác, v.v...

Năm 19 tuổi, Goóc-ki tham gia nhóm Mác-xít và bắt đầu hoạt động cách mạng.

Năm 21 tuổi (1889), đã có một vốn tri thức phong phú, Goóc-ki trở về quê, làm thư ký giúp việc cho một luật sư. Năm 1891, Goóc-ki tiến hành một cuộc “đi thực tế” lớn trong nước Nga: dọc sông Vôn-ga, qua các thảo nguyên miền sông Đông, các vùng U-cơ-ren, Bết-xa-ra-bi, dọc bờ biển Hắc Hải, tới Cơ-ri-mê, Cáp-ca-dơ. Trên đường đi, Goóc-ki đã gặp những người nông dân, công nhân khuân vác, công nhân nhà máy; ông đã cùng ăn, cùng sống và lao động với họ. Chuyến đi này đã làm cho kinh nghiệm sống của Goóc-ki thêm phong phú, thúc đẩy Goóc-ki bước vào con đường sáng tác văn học.

Ngày 12 tháng 9 năm 1892, truyện ngắn *Ma-ca-dơ Tru-dơ-ra* là tác phẩm đầu tiên của Goóc-ki được đăng báo *Cáp-ca-dơ* ở Ti-phơ-li-xơ. Tác phẩm đó được ký tên là M. Goóc-ki, một tên mà chẳng bao lâu đã trở nên nổi tiếng trên toàn thế giới và với tên đó nhà văn đã bước vào lịch sử của văn học thế giới.

Trong khoảng thời gian tiếp theo, Goóc-ki đã viết một loạt tác phẩm *Cô gái và thần chết* (1892), *Bà lão I-déc-ghin*, *Ông A-rơ-khíp và cháu Li-on-ca* (1894), *Sén-ca-sơ*, *Bài ca chim ưng* (1895), *Vợ chồng Ốc-lốp*, *Cô nô-va-lốp*, và những tác phẩm khác. Những tác phẩm này vừa có tính chất lãng mạn chủ nghĩa, vừa có tính chất hiện thực chủ nghĩa. Năm 1898, những tác phẩm đầu tay của M. Goóc-ki được xuất bản thành hai tập nhan đề là *Tuỳ bút và truyện*. Từ đó, M. Goóc-ki nổi tiếng khắp cả nước.

Năm 1899, Goóc-ki cho ra quyển tiểu thuyết đầu tiên: *Phô-ma Goóc-đê-ép*. Năm 1900, Goóc-ki hoàn thành truyện

Ba người và vở kịch *Những người tiểu tư sản*. Tiếp theo đó, là *Bài ca chim báo bão* (1901), *Dưới đáy* (1902), *Con người* (1903), *Những người ở ngoại ô* (1904), *Những đứa con của mặt trời*, *Bọn dã man* (1905), và những tác phẩm khác.

Ở nước Nga những sự kiện của năm 1905 đã chín muồi. Hoạt động của Goóc-ki trong thời kỳ sấm sét tiền cách mạng rất lớn lao: ông tham gia công tác đảng ở Ni-giơ-ni Nô-vơ-gô-rôt, công tác trong công nhân và sinh viên, tổ chức nhà in bí mật. Những cảm tưởng và kinh nghiệm tích lũy trong thời kỳ ấy, sau này đã phục vụ cho đề tài cuốn tiểu thuyết *Người mẹ*.

Năm 1901, M. Goóc-ki bị bắt, rồi bị trục xuất khỏi Ni-giơ-ni Nô-vơ-gô-rôt. Tháng mười 1905, Goóc-ki tham gia sáng lập tờ báo *Đời sống mới*, cơ quan Bôn-sê-vích đầu tiên xuất bản công khai, do Lê-nin trực tiếp lãnh đạo. Goóc-ki hoạt động tích cực trong những ngày khởi nghĩa ở Mát-scơ-va tháng Chạp năm 1905. Đầu năm 1906, Đảng đưa Goóc-ki ra nước ngoài để tránh sự khủng bố của Nga hoàng, đồng thời để tuyên truyền cho cách mạng Nga ở Mỹ.

Ở đây, Goóc-ki sáng tác quyển tiểu thuyết *Người mẹ* và vở kịch *Những kẻ thù* (1906) là hai tác phẩm có thể được coi là kinh điển đặt nền móng cho chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Tháng năm năm 1907, Goóc-ki tham dự Đại hội lần thứ V của Đảng ở Lơ-nơ-đon. Tại đại hội ấy ông đã nhiều lần gặp và nói chuyện với V. I. Lê-nin. Trong những năm sau đó Goóc-ki sống và hoạt động ở Ý. Mãi cuối năm 1913 Goóc-ki mới trở về nước được. Trong suốt những năm ấy, Goóc-ki tham gia viết cho hai tờ báo bôn-sê-vích: *Ngôi sao* và *Sự thật*.

Trong khoảng thời gian từ 1907 đến 1917, Goóc-ki viết *Châu thành nhỏ Ô-cu-rốp*, *Đời của Mác-vây Cô-giê-mi-a-kìn*, *Những chuyện về nước Ý*, *Thời thơ ấu*, *Đi' ở* và những tác phẩm khác.

Trong những năm đầu của Cách mạng Tháng Mười, Goóc-ki tích cực góp phần xây dựng nền văn hoá và văn nghệ mới, xã hội chủ nghĩa. Năm 1918-1919, Goóc-ki tham gia tổ chức trường Đại học công nông, các nhà xuất bản "Tủ sách nhân dân", "Văn học thế giới", viết cho Tạp chí nhi đồng *Rạng đông ở phương Bắc*, Tạp chí *Khoa học và những người công tác khoa học*. Theo sáng kiến của ông những ấn phẩm như *Lịch sử nội chiến*, *Lịch sử các nhà máy và công xưởng*, *Tủ sách của nhà thơ v.v...* lần lượt ra đời. Tháng sáu năm 1920, Goóc-ki tham dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ hai.

Do đời sống gian khổ trước đây, Goóc-ki mắc bệnh lao từ lâu, những công tác dồn dập trong những năm đầu cách mạng càng làm cho bệnh nặng thêm. Lê-nin khuyên Goóc-ki đi nước Ý là nơi mà Goóc-ki đã quen sống để trị bệnh và dưỡng sức. Goóc-ki lại sống ở Ý từ 1921 đến 1928. Trong mấy năm đó, mặc dầu sức yếu, Goóc-ki vẫn cố tranh thủ sáng tác. Ông viết: *Các trường đại học của tôi*, *Sự nghiệp của gia đình Ác-ta-mô-nốp*, và tập một của *Cuộc đời Cơ-lim Xam-ghim*. Ngày 28 tháng năm năm 1928, Goóc-ki trở về nước. Từ tháng tám năm 1928 đến cuối năm 1928, Goóc-ki lại tiến hành một cuộc hành trình trên đất nước Liên Xô vĩ đại, thăm lại những nơi mà ông đã trải qua thời tuổi trẻ. Kết quả của cuộc hành trình này là một loạt bút ký *Trên đất nước Xô viết*. Sau đó, Goóc-ki thành lập các tạp chí *Các thành tích của chúng ta*, *Liên Xô kiến thiết*, *Nghiên cứu văn học*, *Người nông trang tập thể*. Những bài báo của Goóc-ki đã được xuất bản thành hai tập: *Nếu kẻ thù không chịu hàng, ta sẽ tiêu diệt chúng* và *Các nhà văn nghệ sĩ, các bạn theo ai?* Mà nội dung chủ yếu là chống lại âm mưu gây chiến của bọn đế quốc, bảo vệ hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Năm 1934, Hội nhà văn Xô viết thành lập; tại Đại hội lần thứ nhất của Hội, Goóc-ki đã đọc một bản báo cáo có tính chất cương lĩnh đối với nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa và được bầu làm Chủ tịch của Hội.

Trong những năm cuối của đời mình, Goóc-ki mặc dầu già yếu, bệnh tật, vẫn liên tục hoạt động. Ông sáng tác một loạt truyện ngắn nhan đề là *Truyện các anh hùng* miêu tả những người lao động bình thường đang phấn khởi và anh dũng xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa. Ông tiếp tục viết tập thứ tư của bộ tiểu thuyết *Cuộc đời Cơ-lim Xam-ghin*. Nhưng các chương cuối cùng chưa kịp hoàn thành thì Goóc-ki mắc bệnh nặng và mất ngày 18 tháng sáu năm 1936 trong niềm thương tiếc đau đớn của nhân dân Liên Xô, của toàn thể nhân loại cần lao và của tất cả những nhà văn hóa, văn nghệ tiến bộ trên thế giới.

Chính phủ Liên Xô đã làm lễ quốc táng Goóc-ki.

Sự nghiệp văn học của Goóc-ki vô cùng vĩ đại và có ảnh hưởng lớn trên toàn thế giới. H. Bác-buy-xơ, một trong những nhà văn hiện thực xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, sau Goóc-ki đã ca ngợi Goóc-ki: “Ở thời đại chúng ta, Goóc-ki là bó đuốc vĩ đại chiếu sáng con đường mới cho toàn thế giới”. Nhà đại văn hào Pháp R. Rô-lăng đã nói: “Chưa hề bao giờ có một ai ngoài Goóc-ki ra, đã gắn liền được tuyệt vời đến như thế những thể kỷ văn hoá thế giới với cách mạng”. Nhà đại văn hào Trung Quốc, Lỗ Tấn, nhận định: “Goóc-ki là người thầy văn học của thời hiện đại, tên của Goóc-ki tiêu biểu cho giai đoạn mới trong lịch sử văn học thế giới”.

Vừa mới đây, nhà văn A-ra-gông viết: “Goóc-ki không chết, Goóc-ki được nhân dân lao động toàn thế giới yêu quý sẽ sống trong mỗi nụ cười của em bé, trong vẻ đẹp của các cô gái, trong tuổi trẻ tự do của đất nước hạnh phúc”.

Đối với Việt Nam, có thể nói M. Goóc-ki là nhà văn Xô-viết đầu tiên được nhân dân biết tới, là nhà văn nước ngoài đầu tiên có ảnh hưởng sâu sắc nhất trong việc bồi dưỡng tư tưởng cách mạng. Năm 1936, trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, năm Goóc-ki qua đời, nhà văn Hải Triều đã viết sách giới thiệu cuộc đời hoạt động và sự nghiệp văn

học của Goóc-ki. Cũng trong thời kỳ này, cuốn tiểu thuyết *Người mẹ* đã bắt đầu được dịch ra tiếng Việt. Bản tiếng Việt đó, cùng với bản tiếng Pháp xuất bản ở Pa-ri, đã lưu hành rộng rãi trong giới thanh niên trí thức và học sinh Việt Nam. Qua cuốn *Người mẹ*, một số nhà văn nhà thơ tiến bộ đã bước đầu làm quen với nền văn học vô sản và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nhưng tác dụng chủ yếu của *Người mẹ* là đã góp phần quan trọng vào sự giác ngộ cách mạng của khá nhiều thanh niên. Nhân vật Pa-ven Vơ-la-xốp đã trở thành lý tưởng của những thanh niên đó.

Sau Cách mạng Tháng Tám, một số tác phẩm của Goóc-ki lần lượt được dịch ra tiếng Việt. Ngay đầu năm 1946, cuốn *Người mẹ* đã được dịch lại và in thành hai tập. Gần đây, năm 1958-1959, giáo sư Hoàng Xuân Nhị đã cho xuất bản cuốn *Mác-xim Goóc-ki* gồm 2 tập, giới thiệu một cách có hệ thống toàn bộ sự nghiệp sáng tác của Goóc-ki.

Trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của Goóc-ki, cuốn tiểu thuyết *Người mẹ* chiếm vị trí quan trọng bậc nhất. Đó là tác phẩm đầu tiên của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đó là một cái mốc đánh dấu một bước ngoặt căn bản trên con đường phát triển của nền văn học nghệ thuật thế giới.

Người mẹ phản ánh hiện thực xã hội nước Nga trong những năm đầu thế kỷ XX, khi giai cấp vô sản Nga được Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo đang chuẩn bị tiến hành cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, cách mạng 1905. Chủ đề của tác phẩm là sự hình thành của đội ngũ các cán bộ cách mạng, sự nảy nở ý thức cách mạng của hàng triệu người trong quần chúng nhân dân, trước hết là trong giai cấp công nông, sự phát triển của phong trào cách mạng vô sản ở Nga, dưới sự lãnh đạo của Đảng của Lê-nin. Sự phát triển của phong trào đó được thể hiện trong tác phẩm như là quá trình kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội khoa học.

Pê-la-gây-a Ni-lốp-na là nữ nhân vật chính đã đem lại cái tên *Người mẹ* cho cuốn tiểu thuyết.

Hình tượng người mẹ Pê-la-gây-a đã góp một phần quan trọng vào việc làm nổi bật tư tưởng chủ đề của tác phẩm. Trong những chương đầu, Pê-la-gây-a chỉ là một người đàn bà đau khổ và nhần nhục, một người vợ luôn luôn sợ chồng, một *Người mẹ* hiền từ nhưng nhu nhược, đúng là “tại gia tông phụ, xuất giá tông phụ, phu tử tông tử”. Nhưng người đàn bà bình thường ấy mang sản phẩm chất tốt đẹp tiềm tàng của những phụ nữ lao động. Người đàn bà ấy dần dần khắc phục được những nhược điểm của mình, thấm nhuần những tư tưởng cách mạng, tự cải tạo thành một con người mới. một “*Người mẹ*” chiến sĩ. Sự cải tạo của Pê-la-gây-a bắt đầu từ tình yêu con, mỗi tình thông thương tự nhiên của mọi bà mẹ. Bà lo sợ cho đứa con trai độc nhất của mình khi nó đọc những sách “cấm” và đi lại với những người “nguy hiểm”, những người “làm chính trị”. “chống nhà vua”. Vì lo cho con, nên bà chú ý theo dõi con, tìm hiểu những lời con nói, những việc con làm, những người con thân. Bà cảm thấy những lời nói, việc làm của con là đúng đắn và những người bạn của con chẳng có gì là nguy hiểm cả, trái lại họ là những người đáng yêu, đáng quý. Khi con trai bị bắt, căn bản cũng vì thương con, muốn cứu con mà bà mang truyền đơn và sách “cấm” vào nhà máy. Nhưng dần dần từng bước bà có ý thức cách mạng và tham gia đấu tranh cách mạng một cách tự giác. Bà đã cùng con bà và các đồng chí của con bàn xuống đường biểu tình tuần hành Ngày một tháng Năm. Bà bắt đầu làm liên lạc mang tài liệu bí mật từ thành thị về nông thôn. Và khi bị bắt, bà đã anh dũng và hùng hồn vạch mặt bọn thống trị tàn ác, dùng những lời đầy nhiệt tình và biểu lộ căm hờn nói với đồng bào xung quanh. Như nhà nữ cách mạng Tây-ban-nha, chủ tịch Đảng cộng sản Tây-ban-nha là Đô-lô-rét I-ba-ru-ri đã nhận xét, hình tượng Pê-la-gây-a ở cuối cuốn tiểu thuyết

đã phát triển thành hình tượng *Người mẹ* của tất cả các nhà cách mạng trên thế giới.

Song song với *Người mẹ*, một nhân vật trung tâm của tác phẩm là Pa-ven Vơ-la-xốp, con trai của bà.

Pa-ven là điển hình của người công nhân bình thường được sự giáo dục của Đảng và sự rèn luyện của phong trào, đã dần dần trở thành người cán bộ cách mạng sáng suốt và dũng cảm. Ở đầu tác phẩm, Pa-ven là một thanh niên chưa có một ý thức gì về cách mạng. Cuộc đời của anh cũng tối tăm như cuộc đời của bố anh (một công nhân bị bóc lột tàn nhẫn, không hiểu rõ nguồn gốc cuộc đời đói rét của mình, đâm ra buồn bực, giận thần giận đời, tìm an ủi và quên lãng trong rượu mạnh). Nhưng Pa-ven may mắn hơn bố là thuộc về thế hệ công nhân trẻ sống trong một thời đại mà ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê nin bắt đầu soi tới. Anh dần dần hiểu rõ cuộc đời tối tăm, bế tắc của bố anh và các bạn anh, bắt đầu tìm được lối thoát, tin tưởng ở cách mạng và quyết tâm xông vào cuộc đời đấu tranh. Nhưng trong hàng ngũ giai cấp công nhân, chưa có nhiều người giác ngộ như anh. Là người tiên tiến, anh coi nhiệm vụ của mình là phải dìu dắt những người lạc hậu, cùng đoàn kết đấu tranh, từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao, tự rèn luyện trong ngọn lửa đấu tranh, chuẩn bị lực lượng tiến lên giành thắng lợi cuối cùng. Cuộc thử lửa đầu tiên là cuộc đấu tranh chống "đồng cô-pêch tát đắm lầy". Cuộc đấu tranh này còn mang tính chất kinh tế, ít người tham gia, tiến hành một cách rụt rè. Cuộc thử lửa thứ hai là cuộc biểu tình tuần hành ngày Một tháng Năm: đó là một cuộc đấu tranh có tính chất chính trị, được đông người tham gia hơn, và những người tham gia đã có một ý thức giác ngộ và một tinh thần dũng cảm cao hơn. Trong những cuộc đấu tranh ấy, phẩm chất và bản lĩnh của Pa-ven được bồi dưỡng: anh đã trưởng thành với tư cách là người cán bộ lãnh đạo quần chúng. Anh bị bắt, nhưng trước toà án của

Nga hoàng, anh đã chuyển thế bị can thành thế công tố, danh thép lên án kẻ thù giai cấp, lên án cái chế độ xã hội thối nát nhất định sẽ phải tiêu diệt để nhường chỗ cho chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong hình tượng Pa-ven, Goóc-ki chẳng những phản ánh nhân quan chính trị rộng lớn, năng lực tổ chức chính trị tài tình, tinh thần đấu tranh kiên cường của người cán bộ, mà còn phản ánh tình bạn trung thực, tình yêu trong sạch, thái độ đối với quần chúng, đối với gia đình, đối với phụ nữ của người cộng sản.

Bên cạnh Pa-ven, còn hàng loạt bạn chiến đấu của anh, những người vô sản và những người trí thức cách mạng. Mỗi người đều có một cá tính rõ nét, có phong thái và thói quen, sở thích và cảm nghĩ riêng của mình. Ở An-đơ-rây, bên cạnh thái độ chính trực, đạo đức trong sạch, tính tình chất phác, còn có những nhược điểm như chưa có lập trường giai cấp vững chắc. Ở Vê-xốp-si-cốp thể hiện khuynh hướng vô chính phủ. Rư-bin là hình tượng người nông dân đã tìm thấy được chân lý trong giai cấp vô sản và thừa nhận giai cấp vô sản là lãnh tụ của mình, nhưng đôi lúc còn có những thái độ hoài nghi và khuynh hướng tự phát. Ê-gô, Ni-cô-lai, Xa-sen-ca, Lút-mi-la, Ná-ta-sa là những người trí thức xuất thân từ các giai cấp áp bức bóc lột, nhưng đã từ bỏ giai cấp mình, đứng về phía giai cấp công nhân.

Người mẹ bằng hình thức nghệ thuật điều luyện của mình đã tham gia đắc lực vào cuộc đấu tranh tư tưởng của Đảng chống lại khuynh hướng tự phát trong phong trào công nhân. Lê-nin đã đánh giá rất cao sự cống hiến đó của *Người mẹ*. Lê-nin nói: "Đó là một cuốn sách rất cần, nhiều công nhân tham gia phong trào cách mạng một cách vô ý thức, tự phát, và bây giờ họ đọc cuốn *Người mẹ* sẽ là điều rất có ích đối với họ".

Chúng ta còn nhớ năm 1905, tức là một năm trước khi

Goóc-ki xây dựng cuốn *Người mẹ*, Lê-nin đã viết bài *Tổ chức của Đảng và văn học có tính đảng*, nêu lên nguyên tắc tính đảng trong văn học nghệ thuật, đặt cơ sở lý luận cho phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. *Người mẹ* là tác phẩm nghệ thuật mẫu mực về tính đảng, nó thể hiện mối liên hệ hữu cơ giữa sự nghiệp sáng tác của nhà văn vô sản và thực tiễn của phong trào cách mạng.

Đồng thời với việc thể hiện tính đảng, *Người mẹ* đã có ý thức thể hiện một trong những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa: phản ánh cuộc sống một cách lịch sử, cụ thể trong quá trình vận động cách mạng của nó.

Người mẹ vẽ ra trước mắt chúng ta bức tranh rộng lớn của xã hội Nga những năm đầu thế kỷ XX với cái quá khứ nặng nề trong đời sống của vợ chồng bác công nhân Mi-khai-in, với cái hiện tại đấu tranh gian khổ và anh dũng của mẹ con anh công nhân Pa-ven. Đồng thời tiểu thuyết còn thấm sâu cảm giác về thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, *Người mẹ* đã kết hợp một cách hữu cơ các yếu tố hiện thực chủ nghĩa và lãng mạn chủ nghĩa, sự kết hợp này là một đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy mà mặc dù *Người mẹ* kết thúc bằng cảnh *Người mẹ* bị bắt cầm tù, nó vẫn làm cho người đọc lạc quan, tin tưởng ở ngày mai.

Tính đảng, việc phản ánh hiện thực trong quá trình phát triển của nó, tinh thần lạc quan, việc xây dựng hình ảnh con người mới, đã làm cho *Người mẹ* trở thành một tác phẩm đặc sắc của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, một phương pháp sáng tác tiên tiến của nền văn học nghệ thuật hiện đại.

PHẦN THỨ NHẤT

I

Mà ngày ngày tiếng còi nhà máy rú và rung lên trong không khí đầy khói và mùi dầu của vùng ngoại ô thợ thuyền, và theo tiếng gọi đó từ các căn nhà xám, nhỏ, những con người tiểu tụy mà giấc ngủ chưa kịp làm những bắp thịt lại sức, bước vội ra đường, giống những con gián ban ngày sợ sệt. Trong ánh sáng nhờ nhờ, lạnh lẽo họ đi theo đường phố không lát đá tiến về những chồng đá cao ngất của nhà máy đang lạnh đậm chờ đợi họ, với hàng chục con mắt vuông, nhồn nhột chiếu sáng con đường lầy lội. Bùn lôm bôm dưới chân. Vang lên những tiếng kêu khàn khàn còn ngái ngủ, tiếng chửi rửa thô tục như giận dữ xé không gian, các thứ tiếng khác: tiếng máy chạy nặng nhọc, tiếng hơi nước phì phò vang lại phía họ. Những ống khói cao ngất, đen sì, cau có, nghiêm khắc, sừng sững dựng lên trên vùng ngoại ô, giống như những cây gậy to tướng.

Chiều đến, khi mặt trời sắp lặn và những tia nắng đỏ mệt mỏi chiếu trên những kính cửa, nhà máy lại nhả những con người ra từ trong lòng đá của nó, giống bã than, và họ lại đi theo những đường phố, mặt mũi xám đen với những hàm răng háu đói lấp lánh, làm toả ra trong không khí mùi dầu máy ẩm ướt. Bây giờ giọng nói của họ lại vang lên sôi nổi và vui vẻ - công việc đầy ải ngày hôm nay đã chấm dứt, bữa cơm tối và thời gian nghỉ ngơi chờ họ ở nhà.

Nhà máy đã nuốt trôi một ngày qua; máy móc đã hút bao

hiều sinh lực cần thiết cho nó từ bắp thịt con người. Ngày trôi qua không còn dấu vết, con người lại bước thêm một bước nữa đến gần nấm mồ, nhưng anh ta lại thấy trước mắt mình sự khoái trá được nghỉ ngơi, cái lạc thú trong quán rượu ám khói và thế là anh ta mãn nguyện.

Vào những ngày lễ, người ta ngủ đến khoảng mười giờ, rồi những người đứng đắn, có vợ con, khoác chiếc áo sang nhất đi lễ Chúa, nhân thể lại chỉ trích đám thanh niên lãnh đạm với nhà thờ. Xong lễ về nhà ăn bánh nhân rồi lại đi ngủ cho đến tối.

Sự mệt mỏi tích lũy hàng bao nhiêu năm đã làm họ ăn mất ngon và để ăn cho được, họ đã uống rất nhiều, làm bỏng dạ dày với men rượu vốt-ca.

Tối đến họ uể oải đi dạo phố, người có giấy cao su cũng mang ra diện ngay khi trời khô ráo, bác có ô đi mưa tuy trời chói nắng cũng cứ vác đi.

Gặp nhau họ nói chuyện xướng, chuyện máy móc, chữ đồng bọn cai - họ chỉ nói và nghĩ đến cái gì liên hệ với công ăn việc làm. Một vài tia sáng cô đơn của trí tưởng bất lực, vụng dại thì thoáng mới loé lên trong chuỗi ngày đơn điệu, buồn thảm. Về nhà họ gây gỗ với vợ và thường đánh vợ không tiếc tay. Đám trai trẻ thì thường ngồi trong các quán rượu hay tổ chức những tối vui hết nhà anh này đến nhà anh khác, chơi phong cầm, hát những bài ca tục tĩu, thô bỉ, nhảy múa, văng tục và uống rượu. Một mối vì làm việc quá sức họ dễ say lảm; một nỗi giận dữ khó hiểu, bệnh hoạn dấy lên trong tất cả các lồng ngực, nó loay hoay tìm chỗ thoát ra. Và thế là họ cố bám lấy từng cơ hội để trút đi mối cảm xúc bức bối đó, vì những chuyện không đầu, họ nhảy xổ vào nhau như đàn thú dữ. Những trận ẩu đả dẫm máu xảy ra. Có người bị thương nặng, đôi lúc có người chết.

Trong quan hệ với nhau họ thường rình rập, hục hặc nhau, thói xấu đó đã thành cố tật như cái mệt mỏi của cơ thể không thể sửa chữa được nữa rồi. Họ sinh ra với cái bệnh ấy trong tâm

hồn, thừa kế nó của ông cha và như một bóng đen nó đi theo họ cho đến ngày xuống mồ, và cả cuộc đời, nó kích thích họ phạm bao nhiêu là hành động bỉ ổi tàn nhẫn không có mục đích.

Vào những ngày lễ, thanh niên về nhà thật khuya, áo quần rách mướp, đầy bùn và bụi, mặt mày thâm tím. Huênh hoang một cách độc ác, khoe đánh được bạn bè, hoặc bị nhục mạ, tức giận, khóc vì bị xúc phạm, họ say mèm, thiếu não, trông đến thương hại và ghê tởm. Đôi khi bố mẹ phải đưa các cậu con về nhà. Họ tìm thấy chúng ở đâu đấy dưới bờ gậy ngoài đường hay trong các quán rượu đã say mèm, họ chửi mắng, thu tay đánh vào những thân hình mèm nhũn vì rượu của các con, sau đó họ mới ít nhiều gượng nhẹ đặt chúng lên giường ngủ, để sáng sớm khi còi nhà máy giận dữ thét lên phun ra làn suối đen trong không khí, họ lại đánh thức chúng dậy đi làm.

Tuy họ đánh giận dữ mắng con, nhưng cái tật rượu chè, đánh nhau của chúng, các cụ già cũng cho là việc hoàn toàn tất nhiên thôi, vì khi còn trai trẻ họ cũng uống rượu, đánh nhau, họ cũng bị bố mẹ đánh đập như thế. Cuộc sống luôn luôn là như vậy đấy- như một dòng nước đục ngầu nó cứ đều đều và chậm rãi trôi đi hết năm này qua năm khác; nó cột chặt với những thói quen dai dẳng, lâu đời, nghĩ và làm chỉ một việc, ngày nào cũng như ngày nào, và cũng chẳng có ai muốn thay đổi nó làm gì.

Thỉnh thoảng trong vùng ngoại ô, có những người lạ mặt không biết từ đâu đến. Lúc đầu người ta chú ý tới họ chỉ vì một lẽ giản đơn họ là người lạ, sau họ gọi một sự hiếu kỳ hời hợt bề ngoài với những câu chuyện về những nơi mà họ đã làm việc, sau đó cái mới lạ cũng phai dần, người ta cũng quen đi và không ai chú ý đến họ nữa. Qua những câu chuyện của họ thấy một điều rất rõ: cuộc đời người thợ ở đâu cũng như nhau. Mà nếu như thế thì nói đến làm quái gì nữa.

Khi thấy người lạ mặt có cái gì khác thường, những người dân vùng ngoại ô theo dõi anh ta rất lâu và đối xử với con

người không giống họ với một mối ngờ vực không suy xét. Họ như sợ rằng người ấy sẽ mang vào một cái gì đó xúc phạm đến nhịp điệu bình thản uể oải, tuy cực khổ nhưng yên lành trong cuộc sống của họ. Họ đã quen đi với cuộc sống dè dặt nên họ mãi mãi với một sức ép như nhau, và không chờ đợi những thay đổi làm cho nó tốt đẹp hơn, họ cho rằng tất cả những thay đổi chỉ làm cái ách của họ ngày càng nặng thêm mà thôi.

Dân vùng ngoại ô lạnh lẽo xa lánh những người nói những điều mới lạ, thì họ lại biến mất, chuyển tới một nơi nào khác, người nào ở lại trong nhà máy lại sống tách riêng ra nếu họ không biết hoà mình với đám dân ngoại ô người nào cũng sợ nhau.

Trải qua một cuộc sống như thế độ dăm chục năm, rồi người ta chết.

II

Bác thợ nguội Mi-khai-in Vơ-la-xốp cũng sống như thế, ấy là một người mình đầy lông lá, dáng thiếu náo, với đôi mắt tí hí da nghi lộ dưới đôi lông mày rậm, với cái cười gằn khả ố. Đây là tay thợ nguội giỏi nhất trong nhà máy, một lực sĩ cừ khôi trong vùng ngoại ô; bác đối xử thô bạo với cấp trên, vì thế, tiền công ít, ngày lễ nào bác cũng đánh chí mạng một người nào đó, ai cũng gớm và chẳng ai ưa gì bác. Đã có lần họ thử cho bác ta một trận nhưng chẳng ăn thua. Khi thấy có người định đến đánh mình, Vơ-la-xốp vỗ ngay một tảng đá, hay một tấm ván, một thanh sắt rồi dặng chân đứng vững, lạnh lẽo đợi kẻ thù. Bộ mặt rậm râu đen sì từ mắt đến cổ, đôi tay lông lá làm mọi người ghê sợ. Người ta sợ nhất cặp mắt của bác - nhỏ, sắc nhọn, đôi mắt như xoáy vào người ta giống như những mũi khoan bằng thép, và người nào khi gặp cái nhìn của đôi mắt ấy cũng cảm thấy mình đứng trước một sức mạnh man rợ, không hề biết sợ là gì, sẵn sàng đánh đập không thương xót.

Bác ta găm giữ:

- Nào, cút đi, đồ chó!

Giữa bộ râu rậm trên mặt bác sáng lên chiếc răng bàn quốc vàng khè. Người ta tản ra, còn chửi vung theo bác, giọng đã sợ hãi rồi.

- Đồ chó! - bác chửi theo họ một tiếng cụt ngủn như thế và đôi mắt bác quắc lên, sắc như dao. Rồi bác ngẩng đầu lên ngạo nghễ, tiến theo họ và thách thức:

- Nào, đưa nào muốn chết không?

Không ai muốn chết.

Bác nói ít và tiếng đầu lưỡi của bác là “đồ chó”. Dùng tiếng đó bác gọi bọn cai quản nhà máy, cảnh sát và cũng để gọi vợ nữa.

- Đồ chó, mày không thấy à, quần tao rách tươm ra rồi đó!

Lúc Pa-ven, con trai của bác, lên mười bốn tuổi, bác đã định tỉm tóc nó. Nhưng Pa-ven đã vỗ ngay một chiếc búa tạ và nói cụt ngủn:

- Đừng chạm vào!

- Cái gì? - Người bố hỏi và tiến về phía thân hình cao, mảnh khảnh của con, như cái bóng trùm lên cây bạch dương.

- Đủ rồi! Tôi không chịu thua nữa đâu.

Và hấn vung búa lên.

Bố nhìn con, chấp đôi tay lông lá ra sau lưng, cười gằn, bảo:

- Được rồi...

Rồi bác thở dài nói tiếp:

- Mày... đồ chó!

Liền sau chuyện đó bác bảo vợ:

- Đừng có hỏi tiền tao nữa, thằng Pa-ven nó sẽ nuôi mày.

- Thế bố nó uống hết à? - Người vợ chỉ dám hỏi bác như thế.

- Không việc gì đến mày, đồ chó! Tao sẽ kiếm một con nhân tình...

Nhân tình thực ra thì bác ta không có, nhưng từ ngày đó

cho đến lúc chết, gần hai năm trời, bác không để ý đến đứa con trai và cũng chẳng nói với nó nửa lời.

Bác có một con chó cũng to lớn và lông lá giống bác. Hằng ngày nó theo bác đến nhà máy và chiều lại đến đón bác ở cổng. Vào những ngày lễ, Vơ-la-xốp đến những quán rượu. Bác bước đi lạng lẽ, như muốn tìm kiếm một người nào đó, đôi mắt gườm gườm nhìn vào tận mặt mọi người. Và con chó suốt ngày theo sau bác, cụp cái đuôi to tướng, xù lông. Về nhà thì đã say khướt, bác ngồi vào bàn ăn tối và cho chó ăn vào đĩa của mình. Bác không đánh con chó, không chửi nó nhưng cũng không vuốt ve nó bao giờ. Sau bữa ăn, nếu vợ chưa kịp dọn bàn, bác giận dữ hát ngay bát đĩa xuống sàn nhà, đặt ra trước mặt một chai rượu vót-ca, rồi tựa lưng vào tường, mồm mở rộng, mắt nhắm nghiền, cất cái giọng ô ô, buồn thảm, rên rĩ hát. Những tiếng hát buồn thiu, chõi tai lúng búng trong chòm râu, làm rơi xuống những vụn bánh và bác thợ nguội vừa vạch bộ râu rậm với những ngón tay bấp chuối vừa hát. Những lời hát khó hiểu, kéo dài, điệu hát giống như tiếng chó sói hú vào mùa đông. Khi trong chai còn rượu thì bác còn hát, rồi nằm nghiêng mình trên ghế dài, hoặc gục đầu xuống bàn và ngủ như thế cho đến lúc còi nhà máy gọi. Con chó nằm bên cạnh chủ.

Bác chết vì bệnh sa ruột. Suốt mấy ngày trời, mặt xám xịt, bác vật vã trên giường, mắt nhắm nghiền, răng nghiến vào nhau. Thỉnh thoảng bác gọi vợ:

- Cho tao một ít thuốc độc, cho tao chết đi...

Bác sĩ bảo phải chườm chỗ đau nhưng lại nói là cần phải mổ và phải đưa người bệnh đi nhà thương ngay hôm ấy.

- Cút đi, tự tao chết đủ rồi! Đồ chó! - Vơ-la-xốp rên lên.

Và khi bác sĩ đi khỏi, vợ bác khóc, van bác đồng ý để mổ, bác nắm tay lại, dọa vợ và bảo:

- Tao khỏi thì mày hãy liệu đấy!

Bác chết đi vào buổi sáng giữa lúc còi nhà máy báo giờ làm. Bác nằm trong quan tài mồm há hốc, nhưng lông mày cau